

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày 14-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: 780/8/47 B7 Đường B, Phường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Linh H, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: 241 ấp A, xã A, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Nin T, sinh năm 1978, vắng mặt (ông T là chồng của nguyên đơn).

Địa chỉ: 780/8/47 B7 Đường B, Phường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa, nguyên đơn là bà Hồ Thị T trình bày:

Bà T và chồng là ông Lê Nin T là chủ Cửa hàng Tôn xà gồ (địa chỉ: đường P, Phường P, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Ngày 12/6/2020, bà Nguyễn Thị Linh H đến cửa hàng của Bà T mua số sắt hộp mã kèm trị giá

20.590.000đ về làm trại vịt. Ngày 13/6/2020, bà H tiếp tục đến cửa hàng của Bà T mua số sắt trị giá 41.025.000đ. Tổng cộng là 61.615.000đ. Bà H trả trước cho Bà T 8.700.000đ, còn nợ lại 52.915.000đ. Bà H hẹn Bà T cho bà thiếu trong thời hạn 3 ngày sẽ thanh toán hết. Bà T tin tưởng nên giao toàn bộ số sắt đã thỏa thuận cho bà H nhưng đến ngày hẹn (ngày 16/6/2020) bà H không thanh toán tiền nợ mà bà gọi điện thoại cho Bà T nói bà bị bệnh tim, phải nằm Bệnh viện Hòa Hảo ở Thành phố Hồ Chí Minh chờ ngày mổ tim và hẹn Bà T cho bà thiếu thêm 1 tuần. Sau đó đến hẹn (ngày 23/6/2020), bà H vẫn không trả nợ nên chồng Bà T là ông Lê Nin T đã đến nhà bà H thì chứng kiến bà H không bị bệnh. Tại lúc này, bà H lấy sổ hộ khẩu của bà cùng tờ “Giấy Chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh ngày 12/6/2020 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đồng Nai” đưa cho chồng Bà T làm tin và bà H đề nghị cho bà thiếu đến hạn cuối là ngày 15/8/2020, vì đến lúc đó bà bán vịt sẽ có tiền trả nợ, đồng thời bà H hứa sẽ trả thêm cho vợ chồng Bà T 10.000.000đ tiền lãi quá hạn. Nhưng đến ngày 15/8/2020, bà H lại nói chưa bán được vịt và hẹn thêm 3 ngày. Đến hẹn ngày 18/8/2020, chồng Bà T đến nhà bà H thì bà đã dọn nhà đi đâu, vợ chồng Bà T không rõ.

Nay Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Linh H phải trả nợ cho vợ chồng bà Hồ Thị T, ông Lê Nin T số tiền gốc là 52.915.000đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- *Về ý kiến của bị đơn là bà Nguyễn Thị Linh H:* Trong quá trình tố tụng bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

- *Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Nin T trình bày:* Ông là chồng của bà Hồ Thị T, ông thống nhất với lời trình bày của Bà T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Linh H trả cho bà Hồ Thị T, ông Lê Nin T tiền gốc là 52.915.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Linh H có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2

Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời khai của Bà T thì ngày 12/6/2020 và ngày 13/6/2020, bà Nguyễn Thị Linh H đến Cửa hàng Tôn xà gồ của vợ chồng Bà T, ông T (địa chỉ: 989 đường B, Phường P, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) mua số sắt hộp mã kèm trị giá 20.590.000đ và 41.025.000đ. Tổng cộng là 61.615.000đ. Bà H trả trước cho Bà T 8.700.000đ, còn nợ lại 52.915.000đ đến nay vẫn chưa trả, trong khi Bà T đã giao đủ cho bà H số sắt đã thỏa thuận.

Theo Hóa đơn bán lẻ ngày 12/6/2020 của Cửa hàng Tôn xà gồ (địa chỉ: 989 đường P, Phường P, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) thì thể hiện: Số tiền mua hàng là 20.590.000đ, đã trả trước 8.700.000đ, còn lại 11.890.000đ là chưa thanh toán, bên mục "Người nhận hàng" ký tên và ghi "Hiền".

Theo Hóa đơn bán lẻ ngày 13/6/2020 của Cửa hàng Tôn xà gồ (địa chỉ: 989 đường P, Phường P, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) thì thể hiện: Số tiền mua hàng là 41.025.000đ, chưa thanh toán là 41.025.000đ, bên mục "Người nhận hàng" ký tên và ghi "Nguyễn Thị Linh H".

Căn cứ Kết luận giám định số 65/KLGD-PC09-TL ngày 05/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận về đối tượng giám định như sau: "... Chữ viết mang tên Hiền, Nguyễn Thị Linh H dưới mục "Người nhận hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Linh H dưới mục "Ý kiến của chủ hộ" trên mẫu so sánh ký hiệu M4 do cùng một người viết ra...".

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định ngày 12/6/2020 và ngày 13/6/2020, bà Nguyễn Thị Linh H có đến Cửa hàng Tôn xà gồ của vợ chồng Bà T, ông T mua số sắt hộp mã kèm trị giá 20.590.000đ và 41.025.000đ. Tổng cộng là 61.615.000đ. Bà H trả trước cho Bà T 8.700.000đ, còn nợ lại 52.915.000đ. Nay, Bà T yêu cầu bà H trả cho Bà T, ông T 52.915.000đ nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Bà T yêu cầu bà H trả cho Bà T, ông T 10.000.000đ tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời trình bày của Bà T, ông T thì ông bà đồng ý cho bà H nợ 52.915.000đ tiền gốc đến ngày 23/6/2020.

Căn cứ Khoản 3 Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự thì áp dụng mức lãi suất chậm trả cho Bà T, ông T là 10%/1 năm. Tính từ ngày 24/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2021) là 1 năm 21 ngày. Như vậy tiền lãi trên số nợ gốc 52.915.000đ tính đến nay xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2021) là $52.915.000đ \times (10\% + 10\% \times 21 : 365) = 5.596.000đ$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà H trả cho Bà T, ông T 5.596.000đ tiền lãi, không có cơ sở buộc bà H trả cho Bà T, ông T 4.404.000đ tiền lãi vượt quá.

[2.3] Như vậy tổng số tiền bà H phải trả cho Bà T, ông T là 58.511.000đ. Trong đó tiền gốc là 52.915.000đ, tiền lãi là 5.596.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà H phải chịu án phí là $58.511.000đ \times 5\% = 2.925.550đ$; Bà T phải chịu án phí là $4.404.000đ \times 5\% = 220.200đ$ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Bà T đã nộp là 1.570.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04158 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 1.349.800đ.

[4] Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 và Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Hồ Thị T không phải chịu chi phí giám định; bà Nguyễn Thị Linh H phải chịu chi phí giám định là 2.500.000 đồng. Do Bà T đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 2.500.000 đồng nên bà H phải trả cho Bà T 2.500.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Linh H trả cho bà Hồ Thị T, ông Lê Nin T 58.511.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 52.915.000 đồng, tiền lãi là 5.596.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc buộc bà Nguyễn Thị Linh H trả cho bà Hồ Thị T, ông Lê Nin T 4.404.000 đồng tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H phải chịu án phí là 2.925.550 đồng.

- Bà T phải chịu án phí là 220.200 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Bà T đã nộp là 1.570.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04158 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 1.349.800 đồng.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Linh H phải trả cho bà Hồ Thị T 2.500.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Đương sự;
- Lưu.

Đỗ Hữu Trí